

BÀI TRUYỀN TRUYỀN PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2023

Nguồn: Cổng thông tin điện tử Bộ tài Chính

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội tồn tại tất yếu khách quan gắn liền với sự hình thành giai cấp và sự ra đời, phát triển của bộ máy nhà nước. Theo quan niệm truyền thống, tham nhũng là hành lợi dụng quyền hạn để chiếm đoạt các lợi ích bất chính. Tham nhũng còn được hiểu là hành vi của bất kỳ người nào có chức vụ, quyền hạn, hoặc nhiệm vụ được giao để vụ lợi. Theo Từ điển Tiếng Việt thì “tham nhũng là lợi dụng quyền hành để nhũng nhiễu dân và lấy của”. Tham nhũng là một “căn bệnh” nguy hiểm, nó gây ra những hậu quả hết sức nguy hại về mặt kinh tế, chính trị, nó cản trở sự phát triển đi lên của xã hội, có khi dẫn đến sự sụp đổ của cả một thể chế. Tham nhũng làm suy thoái đạo đức, lối sống của không ít cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước, làm cho bộ máy nhà nước hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả, thậm chí làm mục ruỗng bộ máy nhà nước.

Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa của công tác PCTN, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng công tác PCTN. Đảng ta khẳng định tham nhũng là: “quốc nạn”, là “giặc nội xâm” và lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt vấn đề PCTN. Quan điểm, chủ trương và quyết tâm chính trị của Đảng về công tác PCTN luôn được thể hiện rõ trong văn kiện các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, các hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là trong những năm gần đây. Quan điểm, chủ trương của Đảng về PCTN đã được thể chế hoá, cụ thể hoá bằng pháp luật, phù hợp với từng thời kỳ trong lịch sử cách mạng của đất nước:

- Ngày 26/02/1998, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa X) ban hành Pháp lệnh số 3/1998/PL-UBTVQH10 về việc chống tham nhũng. Đến năm 2000, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa X) đã ban hành Pháp lệnh số 22/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/4/2000 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh về chống tham nhũng.

- Năm 2005, Quốc hội (khoá XI) thông qua Luật số 55/2005/QH11 ngày 29/11/2005 về PCTN. Năm 2007, Quốc hội (khóa XII) ban hành Luật số 01/2007/QH12 ngày 04/8/2007 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTN. Năm 2012, Quốc hội (khóa XIII) ban hành Luật số 27/2012/QH12 ngày 23/11/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTN.

- Năm 2018, Quốc hội (khóa XIV) ban hành Luật số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về PCTN (sửa đổi toàn diện Luật PCTN năm 2005) có hiệu lực thi

hành kể từ ngày 01/7/2019, thay thế Luật PCTN năm 2005 và các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTN năm 2005.

*** Một số nội dung mới, quan trọng của Luật PCTN năm 2018:**

- Về phạm vi điều chỉnh: Luật PCTN năm 2018 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật bao gồm cả việc xử lý người có hành vi tham nhũng và xử lý cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN; mở rộng phạm vi áp dụng một số biện pháp PCTN ra khu vực ngoài Nhà nước, phù hợp với quan điểm chỉ đạo tại Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí; đồng bộ với Bộ Luật Hình sự đã mở rộng quy định xử lý đối với một số tội phạm về tham nhũng trong mọi tổ chức, doanh nghiệp ngoài Nhà nước (chủ thể phạm tội gồm cả người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước đối với các tội danh: Tội tham ô tài sản (Điều 353), Tội nhận hối lộ (Điều 354), Tội đưa hối lộ (Điều 364) và Tội môi giới hối lộ (Điều 365)); phù hợp yêu cầu của Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên.

- Về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn: Luật PCTN năm 2018 mở rộng thêm đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập và tài sản, thu nhập phải kê khai. Luật PCTN năm 2005 chỉ quy định chung 3 nhóm đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập, đó là: từ Phó trưởng phòng của UBND cấp huyện trở lên và tương đương trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; một số cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn; người làm công tác quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND. Luật PCTN năm 2018 đã mở rộng các đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập, gồm: cán bộ, công chức; sĩ quan công an nhân dân; sĩ quan quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu HĐND.

*** Các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật PCTN năm 2018 và có liên quan đến công tác PCTN**

- Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2019). Các nội dung quy định chi tiết tại nghị định gồm: trách nhiệm giải trình;

tiêu chí đánh giá công tác PCTN; tặng quà và nhận quà tặng; kiểm soát xung đột lợi ích; về vị trí công tác phải chuyển đổi và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác; trình tự, thủ tục, thời hạn tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác; việc hưởng lương, phụ cấp, quyền, lợi ích hợp pháp khác và việc bồi thường, khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp của người có chức vụ, quyền hạn sau khi cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền kết luận người đó không có hành vi tham nhũng; áp dụng các biện pháp PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước; về thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước; về xử lý hành vi vi phạm khác về PCTN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Nội dung về tặng quà và nhận quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn được quy định như sau: Chỉ được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng vì mục đích từ thiện, đối ngoại và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định pháp luật; không trực tiếp, gián tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc mà mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi mình quản lý, trường hợp không từ chối được phải giao lại quà cho bộ phận quản lý quà tặng của cơ quan, đơn vị mình để xử lý theo quy định. Người có chức vụ, quyền hạn khi nhận được quà tặng không đúng quy định thì phải từ chối; trường hợp không từ chối được thì phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị mình hoặc Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp và nộp lại quà tặng để xử lý theo quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quà tặng. Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài chính công, tài sản công tặng quà không đúng quy định thì phải bồi hoàn giá trị quà tặng cho Nhà nước. Cá nhân sử dụng tài chính công, tài sản công tặng quà không đúng thẩm quyền, không đúng quy định thì phải bồi hoàn giá trị quà tặng và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về nhận quà tặng, xử lý quà tặng, người có chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định về nhận quà tặng, báo cáo, nộp lại quà tặng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (có hiệu lực từ ngày 20/12/2020). Nghị định này quy định về trình tự thủ tục yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập; kê khai tài sản thu nhập; công khai bản kê khai tài sản thu nhập; xây dựng phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập; bảo vệ lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm

soát tài sản, thu nhập; xử lý vi phạm về kiểm soát tài sản, thu nhập [13]. Một số điểm cần lưu ý khi thực hiện Nghị định này:

Thứ nhất, về người có nghĩa vụ kê khai hàng năm: Các ngạch công chức và chức danh sau đây: chấp hành viên, điều tra viên, kế toán viên, kiểm lâm viên, kiểm sát viên, kiểm soát viên ngân hàng, kiểm soát viên thị trường, kiểm toán viên, kiểm tra viên của Đảng, kiểm tra viên hải quan, kiểm tra viên thuế, thanh tra viên, thẩm phán. Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Thứ hai, về thời điểm, hình thức và việc tổ chức công khai bản kê khai đối với cơ quan thuộc, trực thuộc Bộ: Bản kê khai của người giữ chức vụ Phó Tổng cục trưởng và tương đương trở lên công tác tại các cơ quan Trung ương được niêm yết tại trụ sở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo từ cấp cục, vụ và tương đương trở lên; Bản kê khai của người giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống được niêm yết tại đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo cấp phòng trở lên trong đơn vị, nơi không tổ chức đơn vị cấp phòng thì tại cuộc họp toàn thể đơn vị. Bản kê khai của những người khác được niêm yết tại phòng, ban, đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể công chức, viên chức thuộc phòng, ban, đơn vị; nếu biên chế của phòng, ban, đơn vị có từ 50 người trở lên và có tổ, đội, nhóm thì công khai trước toàn thể công chức, viên chức thuộc tổ, đội, nhóm. Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày, vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai. Cuộc họp công khai bản kê khai phải bảo đảm có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập.

Thứ ba, về mẫu bản kê khai: Đối với mẫu bản kê khai lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ cơ bản vẫn có 3 phần chính về thông tin chung, thông tin mô tả về tài sản, giải trình sự biến động của tài sản, thu nhập tăng thêm. Một số điểm mới so với quy định trước đây: Bổ sung thêm nội dung kê khai số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân của người kê khai tài sản, thu nhập và của vợ (hoặc chồng), con chưa thành niên của người kê khai tài sản, thu nhập. Nội dung kê khai về quyền sử dụng thực tế đối với đất là mục tài sản đầu tiên phải kê khai (trước đây mục tài sản đầu tiên kê khai là nhà ở và công trình xây dựng); đối với nhà ở bỏ nội dung kê khai về cấp công trình; bổ sung mục tài sản khác gắn liền với đất phải kê khai (cây lâu năm, rừng sản xuất, vật kiến trúc gắn liền với

đất); bổ sung đối tượng kê khai là vàng, kim cương, bạch kim có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (trước đây chỉ kê khai kim loại quý, đá quý) và tách riêng phần cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên; đối với các tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây xanh, tranh ảnh) yêu cầu khi kê khai phải ghi cụ thể năm bắt đầu sở hữu. Bộ nội dung kê khai các khoản nợ (các khoản phải trả, giá trị tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên). Về tổng thu nhập phải kê khai được xác định giữa hai lần kê khai (trừ kê khai lần đầu), đồng thời tách riêng kê khai từng khoản thu nhập của người kê khai, thu nhập và thu nhập của vợ (chồng), thu nhập của con chưa thành niên của người kê khai.

Thứ tư, về phê duyệt và thực hiện kế hoạch xác minh tài sản hàng năm: trước ngày 31 tháng 01 hằng năm: kế hoạch xác minh hàng năm của Bộ Tài chính phải bảo đảm tối thiểu bằng 10% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát của mình. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tổ chức lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh bằng hình thức bốc thăm hoặc sử dụng phần mềm máy tính, có đại diện Ủy ban Kiểm tra Đảng và UBMTTQVN cùng cấp dự và chứng kiến việc lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh. Số lượng người được lựa chọn để xác minh ngẫu nhiên phải bảo đảm tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hàng năm tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác minh, trong đó có ít nhất 01 người là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Thứ năm, cán bộ, công chức kê khai không trung thực về tài sản, thu nhập có thể bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức: Cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm. Trường hợp đã được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thì còn bị đưa ra khỏi danh sách quy hoạch; trường hợp xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm thì có thể xem xét không kỷ luật. Trường hợp người được dự kiến bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử giữ chức vụ mà kê khai không trung thực thì không được bổ nhiệm, phê chuẩn hoặc cử vào chức vụ dự kiến. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND mà kê khai không trung thực thì bị xóa tên khỏi danh sách người ứng cử.

- Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2020). Nghị định này có một số điểm mới cần chú ý:

- Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu cán bộ, công chức có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm và áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm,

buộc thôi việc. Hình thức hạ bậc lương chỉ áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Bổ sung quy định, hướng dẫn xử lý kỷ luật với người đã nghỉ việc, nghỉ hưu.

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật đảng thì hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật đảng. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính.

- Công chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm, ngoài thời hạn 24 tháng thì hành vi đó được coi là vi phạm lần đầu, nhưng được tính là tình tiết tăng nặng khi xem xét xử lý kỷ luật.

- Bổ sung trường hợp chưa xem xét kỷ luật với công chức là nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; công chức đang bị khởi tố. Ngoài ra đối với trường hợp chưa xem xét kỷ luật vì đang điều trị bệnh, quy định cụ thể hơn đó là: Đang điều trị bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức; bị ốm nặng đang điều trị nội trú tại bệnh viện có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

- Bổ sung trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật đối với công chức có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật nhưng đã qua đời và trường hợp được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm trong tình thế cấp thiết hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự khi thi hành công vụ.

- Không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật đối với công chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ; công chức có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ; công chức có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại; công chức sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách và 05 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc các trường hợp nêu trên.